PHỤ LỤC
THÔNG TIN CHI TIẾT VỀ NHÀ Ở HÌNH THÀNH TRONG TƯƠNG LAI ĐỦ ĐIỀU KIỆN ĐƯỢC BÁN, CHO THUÊ MUA GỒM 940 CĂN NHÀ Ở RIÊNG LẺ TẠI DỰ ÁN KHU DÂN CƯ THEO QUY HOẠCH TẠI XÃ PHƯỚC AN, TỈNH ĐỒNG NAI

(Kèm theo Văn bản số..3157/SoXD-QLN&TTBĐS ngày...01......tháng 10 năm 2025 của Sở Xây dựng)

STT	KÝ HIỆU MÃ CĂN	CHỨC NĂNG	TẦNG CAO	SỐ THỬA	SỐ TỜ BẢN ĐỒ	DIỆN TÍCH ĐẤT (M2)	DIỆN TÍCH SÀN XÂY DỰNG (M2)	SỐ PHÁT HÀNH GCN	NGÀY CẤP	NƠI CẤP
I	**LIÊN KẾ 13- NO1**					**7,581.00**	**19,172.74**			
1	LK13-1	Nhà liên kế phố	4	170	14	269	483.04	DP 449401	13/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
2	LK13-2	Nhà liên kế phố	4	171	14	150	384.7	DP 449402	13/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
3	LK13-3	Nhà liên kế phố	4	172	14	150	384.7	DP 449403	13/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
4	LK13-4	Nhà liên kế phố	4	173	14	150	384.7	DP 449404	13/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
5	LK13-5	Nhà liên kế phố	4	174	14	150	384.7	DP 449405	13/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
6	LK13-6	Nhà liên kế phố	4	175	14	269	483.04	DP 449406	13/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
7	LK13-7	Nhà liên kế phố	4	176	14	139.5	372.71	DP 449407	13/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
8	LK13-8	Nhà liên kế phố	4	177	14	139.5	372.71	DP 449408	13/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
9	LK13-9	Nhà liên kế phố	4	178	14	139.5	372.71	DP 449409	13/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
10	LK13-10	Nhà liên kế phố	4	179	14	139.5	372.71	DP 449410	13/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
11	LK13-11	Nhà liên kế phố	4	180	14	139.5	372.71	DP 449411	13/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
12	LK13-12	Nhà liên kế phố	4	181	14	139.5	372.71	DP 449412	13/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
13	LK13-13	Nhà liên kế phố	4	182	14	139.5	372.71	DP 449413	13/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
14	LK13-14	Nhà liên kế phố	4	183	14	139.5	372.71	DP 449414	13/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
15	LK13-15	Nhà liên kế phố	4	184	14	139.5	372.71	DP 449415	13/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
16	LK13-16	Nhà liên kế phố	4	185	14	139.5	372.71	DP 449416	13/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
17	LK13-17	Nhà liên kế phố	4	186	14	139.5	372.71	DP 449417	13/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
18	LK13-18	Nhà liên kế phố	4	187	14	139.5	372.71	DP 449418	13/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
19	LK13-19	Nhà liên kế phố	4	188	14	139.5	372.71	DP 449419	13/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
20	LK13-20	Nhà liên kế phố	4	189	14	139.5	372.71	DP 449420	13/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
21	LK13-21	Nhà liên kế phố	4	190	14	139.5	372.71	DP 449421	13/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
22	LK13-22	Nhà liên kế phố	4	191	14	139.5	372.71	DP 449422	13/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
23	LK13-23	Nhà liên kế phố	4	192	14	139.5	372.71	DP 449423	13/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
24	LK13-24	Nhà liên kế phố	4	193	14	139.5	372.71	DP 449424	13/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
25	LK13-25	Nhà liên kế phố	4	194	14	139.5	372.71	DP 449425	13/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
26	LK13-26	Nhà liên kế phố	4	195	14	273.2	483.04	DP 449426	13/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
27	LK13-27	Nhà liên kế phố	4	196	14	150	384.7	DP 449427	13/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
28	LK13-28	Nhà liên kế phố	4	197	14	150	384.7	DP 449428	13/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
29	LK13-29	Nhà liên kế phố	4	198	14	150	384.7	DP 449429	13/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
30	LK13-30	Nhà liên kế phố	4	199	14	150	384.7	DP 449430	13/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
31	LK13-31	Nhà liên kế phố	4	200	14	268.8	483.04	DP 449431	13/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
32	LK13-32	Nhà liên kế phố	4	201	14	139.5	372.71	DP 449432	13/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
33	LK13-33	Nhà liên kế phố	4	202	14	139.5	372.71	DP 449433	13/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
34	LK13-34	Nhà liên kế phố	4	203	14	139.5	372.71	DP 449434	13/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
35	LK13-35	Nhà liên kế phố	4	204	14	139.5	372.71	DP 449435	13/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
36	LK13-36	Nhà liên kế phố	4	205	14	139.5	372.71	DP 449500	13/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
37	LK13-37	Nhà liên kế phố	4	206	14	139.5	372.71	DP 449499	13/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
38	LK13-38	Nhà liên kế phố	4	207	14	139.5	372.71	DP 449439	13/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
39	LK13-39	Nhà liên kế phố	4	208	14	139.5	372.71	DP 449440	13/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
40	LK13-40	Nhà liên kế phố	4	209	14	139.5	372.71	DP 449441	13/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
41	LK13-41	Nhà liên kế phố	4	210	14	139.5	372.71	DP 449442	13/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
42	LK13-42	Nhà liên kế phố	4	211	14	139.5	372.71	DP 449443	13/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
43	LK13-43	Nhà liên kế phố	4	212	14	139.5	372.71	DP 449444	13/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
44	LK13-44	Nhà liên kế phố	4	213	14	139.5	372.71	DP 449445	13/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
45	LK13-45	Nhà liên kế phố	4	214	14	139.5	372.71	DP 449446	13/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
46	LK13-46	Nhà liên kế phố	4	215	14	139.5	372.71	DP 449447	13/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
47	LK13-47	Nhà liên kế phố	4	216	14	139.5	372.71	DP 449448	13/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
48	LK13-48	Nhà liên kế phố	4	217	14	139.5	372.71	DP 449449	13/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
49	LK13-49	Nhà liên kế phố	4	218	14	139.5	372.71	DP 449450	13/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
50	LK13-50	Nhà liên kế phố	4	219	14	139.5	372.71	DP 449451	13/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
II	**LIÊN KẾ 14- NO1**					**6,938.00**	**17,725.80**			
1	LK14-1	Nhà liên kế phố	4	220	14	218.6	401.56	DO 207673	31/7/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
2	LK14-2	Nhà liên kế phố	4	221	14	154.1	380.98	DO 207674	31/7/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
3	LK14-3	Nhà liên kế phố	4	222	14	154.1	374.36	DO 207675	31/7/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
4	LK14-4	Nhà liên kế phố	4	223	14	147	384.7	DO 207676	31/7/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
5	LK14-5	Nhà liên kế phố	4	224	14	147	384.7	DO 207677	31/7/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
6	LK14-6	Nhà liên kế phố	4	225	14	147	384.7	DO 207678	31/7/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
7	LK14-7	Nhà liên kế phố	4	226	14	147	384.7	DP 261019	31/7/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
8	LK14-8	Nhà liên kế phố	4	227	14	147	384.7	DO 207680	31/7/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
9	LK14-9	Nhà liên kế phố	4	228	14	147	384.7	DO 207681	31/7/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
10	LK14-10	Nhà liên kế phố	4	229	14	147	384.7	DO 207682	31/7/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
11	LK14-11	Nhà liên kế phố	4	230	14	147	384.7	DO 207683	31/7/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
12	LK14-12	Nhà liên kế phố	4	231	14	147	384.7	DO 207684	31/7/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
13	LK14-13	Nhà liên kế phố	4	232	14	147	384.7	DO 207685	31/7/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
14	LK14-14	Nhà liên kế phố	4	233	14	147	384.7	DO 207686	31/7/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
15	LK14-15	Nhà liên kế phố	4	234	14	147	384.7	DO 207687	31/7/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
16	LK14-16	Nhà liên kế phố	4	235	14	147	384.7	DO 207688	31/7/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
17	LK14-17	Nhà liên kế phố	4	236	14	147	384.7	DO 207689	31/7/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
18	LK14-18	Nhà liên kế phố	4	237	14	147	384.7	DO 207690	31/7/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
19	LK14-19	Nhà liên kế phố	4	238	14	147	384.7	DO 207691	31/7/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
20	LK14-20	Nhà liên kế phố	4	239	14	147	384.7	DO 207692	31/7/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
21	LK14-21	Nhà liên kế phố	4	240	14	147	384.7	DO 207693	31/7/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
22	LK14-22	Nhà liên kế phố	4	241	14	147	384.7	DO 207694	31/7/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai

23	LK14-23	Nhà liên kế phố	4	242	14	147	384.7	DO 207695	31/7/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
24	LK14-24	Nhà liên kế phố	4	243	14	223	401.56	DO 207696	31/7/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
25	LK14-25	Nhà liên kế phố	4	244	14	154.1	380.98	DO 207697	31/7/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
26	LK14-26	Nhà liên kế phố	4	245	14	154.1	374.36	DO 207698	31/7/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
27	LK14-27	Nhà liên kế phố	4	246	14	147	396.7	DO 207699	31/7/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
28	LK14-28	Nhà liên kế phố	4	247	14	147	384.7	DO 207700	31/7/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
29	LK14-29	Nhà liên kế phố	4	248	14	147	384.7	DP 261001	31/7/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
30	LK14-30	Nhà liên kế phố	4	249	14	147	384.7	DP 261002	31/7/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
31	LK14-31	Nhà liên kế phố	4	250	14	147	384.7	DP 261003	31/7/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
32	LK14-32	Nhà liên kế phố	4	251	14	147	384.7	DP 261004	31/7/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
33	LK14-33	Nhà liên kế phố	4	252	14	147	384.7	DP 261005	31/7/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
34	LK14-34	Nhà liên kế phố	4	253	14	147	384.7	DP 261006	31/7/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
35	LK14-35	Nhà liên kế phố	4	254	14	147	384.7	DP 261007	31/7/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
36	LK14-36	Nhà liên kế phố	4	255	14	147	384.7	DP 261008	31/7/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
37	LK14-37	Nhà liên kế phố	4	256	14	147	384.7	DP 261009	31/7/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
38	LK14-38	Nhà liên kế phố	4	257	14	147	384.7	DP 261010	31/7/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
39	LK14-39	Nhà liên kế phố	4	258	14	147	384.7	DP 261011	31/7/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
40	LK14-40	Nhà liên kế phố	4	259	14	147	384.7	DP 261012	31/7/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
41	LK14-41	Nhà liên kế phố	4	260	14	147	384.7	DP 261013	31/7/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
42	LK14-42	Nhà liên kế phố	4	261	14	147	384.7	DP 261014	31/7/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
43	LK14-43	Nhà liên kế phố	4	262	14	147	384.7	DP 261015	31/7/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
44	LK14-44	Nhà liên kế phố	4	263	14	147	384.7	DP 261016	31/7/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
45	LK14-45	Nhà liên kế phố	4	264	14	147	384.7	DP 261017	31/7/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
46	LK14-46	Nhà liên kế phố	4	265	14	147	396.7	DP 261020	31/7/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
III	**SONG LẬP SLA- NO2**					**9,920.00**	**22,893.67**			
1	SLA-1	Nhà liên kế phố	4	117	123	213.3	401.56	DP 961305	13/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
2	SLA-2	Nhà liên kế phố	4	118	123	150.5	380.98	DP 961306	13/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
3	SLA-3	Nhà liên kế phố	4	119	123	150.5	380.98	DP 961307	13/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
4	SLA-4	Nhà liên kế phố	4	120	123	150.5	380.98	DP 961308	13/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
5	SLA-5	Nhà liên kế phố	4	121	123	150.5	380.98	DP 961309	13/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
6	SLA-6	Nhà liên kế phố	4	122	123	213.3	401.56	DP 961310	13/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
7	SLA-7	Nhà liên kế phố	4	123	123	171.5	396.57	DP 961311	13/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
8	SLA-8	Nhà liên kế phố	4	124	123	171.5	396.57	DP 961312	13/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
9	SLA-9	Nhà liên kế phố	4	125	123	171.5	396.57	DP 961313	13/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
10	SLA-10	Nhà liên kế phố	4	126	123	171.5	396.57	DP 961314	13/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
11	SLA-11	Nhà liên kế phố	4	127	123	171.5	396.57	DP 961315	13/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
12	SLA-12	Nhà liên kế phố	4	128	123	171.5	396.57	DP 961316	13/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
13	SLA-13	Nhà liên kế phố	4	129	123	171.5	396.57	DP 961317	13/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
14	SLA-14	Nhà liên kế phố	4	130	123	171.5	396.57	DP 961318	13/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
15	SLA-15	Nhà liên kế phố	4	131	123	171.5	396.57	DP 961319	13/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
16	SLA-16	Nhà liên kế phố	4	132	123	171.5	396.57	AA 00843205	2/25/2025	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
17	SLA-17	Nhà liên kế phố	4	133	123	171.5	396.57	AA 00843206	2/25/2025	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
18	SLA-18	Nhà liên kế phố	4	134	123	171.5	396.57	AA 00843207	2/25/2025	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
19	SLA-19	Nhà liên kế phố	4	135	123	171.5	396.57	AA 00843208	2/25/2025	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
20	SLA-20	Nhà liên kế phố	4	136	123	171.5	396.57	AA 00843209	2/25/2025	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
21	SLA-21	Nhà liên kế phố	4	137	123	171.5	396.57	DP 961325	13/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
22	SLA-22	Nhà liên kế phố	4	138	123	171.5	396.57	DP 961326	13/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
23	SLA-23	Nhà liên kế phố	4	139	123	171.5	396.57	DP 961327	13/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
24	SLA-24	Nhà liên kế phố	4	140	123	171.5	396.57	DP 961328	13/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
25	SLA-25	Nhà liên kế phố	4	141	123	171.5	396.57	DP 961329	13/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
26	SLA-26	Nhà liên kế phố	4	142	123	171.5	396.57	DP 961330	13/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
27	SLA-27	Nhà liên kế phố	4	143	123	171.5	396.57	DP 961331	13/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
28	SLA-28	Nhà liên kế phố	4	144	123	171.5	396.57	DP 961332	13/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
29	SLA-29	Nhà liên kế phố	4	145	123	171.5	396.57	DP 961353	13/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
30	SLA-30	Nhà liên kế phố	4	146	123	171.5	396.57	DP 961334	13/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
31	SLA-31	Nhà liên kế phố	4	147	123	207.9	401.56	DP 961335	13/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
32	SLA-32	Nhà liên kế phố	4	148	123	150.5	380.98	DP 961336	13/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
33	SLA-33	Nhà liên kế phố	4	149	123	150.5	380.98	DP 961337	13/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
34	SLA-34	Nhà liên kế phố	4	150	123	150.5	374.36	DP 961338	13/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
35	SLA-37	Nhà liên kế phố	4	151	123	171.5	389.96	DP 961339	13/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
36	SLA-38	Nhà liên kế phố	4	152	123	171.5	396.57	DP 961340	13/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
37	SLA-39	Nhà liên kế phố	4	153	123	171.5	396.57	DP 961341	13/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
38	SLA-40	Nhà liên kế phố	4	154	123	171.5	396.57	DP 961342	13/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
39	SLA-41	Nhà liên kế phố	4	155	123	171.5	396.57	DP 961343	13/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
40	SLA-42	Nhà liên kế phố	4	156	123	171.5	396.57	DP 961344	13/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
41	SLA-43	Nhà liên kế phố	4	157	123	171.5	396.57	DP 961345	13/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
42	SLA-44	Nhà liên kế phố	4	158	123	171.5	396.57	DP 961346	13/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
43	SLA-45	Nhà liên kế phố	4	159	123	171.5	396.57	DP 961347	13/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
44	SLA-46	Nhà liên kế phố	4	160	123	171.5	396.57	DP 961348	13/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
45	SLA-47	Nhà liên kế phố	4	161	123	171.5	396.57	DP 961349	13/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
46	SLA-48	Nhà liên kế phố	4	162	123	171.5	396.57	DP 961350	13/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
47	SLA-49	Nhà liên kế phố	4	163	123	171.5	396.57	DP 961351	13/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
48	SLA-50	Nhà liên kế phố	4	164	123	171.5	396.57	DP 961352	13/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
49	SLA-51	Nhà liên kế phố	4	165	123	171.5	396.57	DP 961355	13/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
50	SLA-52	Nhà liên kế phố	4	166	123	171.5	396.57	DP 961356	13/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
51	SLA-53	Nhà liên kế phố	4	167	123	171.5	396.57	DP 961357	13/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
52	SLA-54	Nhà liên kế phố	4	168	123	171.5	396.57	DP 961358	13/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
53	SLA-55	Nhà liên kế phố	4	169	123	171.5	396.57	DP 961359	13/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
54	SLA-56	Nhà liên kế phố	4	170	123	171.5	396.57	DP 961360	13/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
55	SLA-57	Nhà liên kế phố	4	171	123	171.5	396.57	DP 961361	13/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
56	SLA-58	Nhà liên kế phố	4	172	123	171.5	396.57	DP 961362	13/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
57	SLA-59	Nhà liên kế phố	4	173	123	171.5	396.57	DP 961363	13/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
58	SLA-60	Nhà liên kế phố	4	174	123	171.5	396.57	DP 961364	13/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai

IV	**SONG LẬP SLB- NO2**					**9,330.00**	**21,359.18**			
1	SLB-3	Nhà liên kế phố	4	178	124	161	389.96	DP 449622	12/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
2	SLB-4	Nhà liên kế phố	4	179	124	161	396.57	DP 444968	12/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
3	SLB-5	Nhà liên kế phố	4	180	124	161	396.57	DP 444969	12/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
4	SLB-6	Nhà liên kế phố	4	181	124	229	406.57	DP 444970	12/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
5	SLB-7	Nhà liên kế phố	4	182	124	171.5	389.96	DP 444971	12/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
6	SLB-8	Nhà liên kế phố	4	183	124	171.5	396.57	DP 444972	12/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
7	SLB-9	Nhà liên kế phố	4	184	124	171.5	396.57	DP 444973	12/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
8	SLB-10	Nhà liên kế phố	4	185	124	171.5	396.57	DP 444974	12/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
9	SLB-11	Nhà liên kế phố	4	186	124	171.5	396.57	DP 444975	12/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
10	SLB-12	Nhà liên kế phố	4	187	124	171.5	396.57	DP 444976	12/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
11	SLB-13	Nhà liên kế phố	4	188	124	171.5	396.57	DP 444977	12/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
12	SLB-14	Nhà liên kế phố	4	189	124	171.5	396.57	DP 444978	12/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
13	SLB-15	Nhà liên kế phố	4	190	124	171.5	396.57	DP 444979	12/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
14	SLB-16	Nhà liên kế phố	4	191	124	171.5	396.57	DP 444980	12/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
15	SLB-17	Nhà liên kế phố	4	192	124	171.5	396.57	DP 444981	12/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
16	SLB-18	Nhà liên kế phố	4	193	124	171.5	396.57	DP 444982	12/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
17	SLB-19	Nhà liên kế phố	4	194	124	171.5	396.57	DP 444983	12/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
18	SLB-20	Nhà liên kế phố	4	195	124	171.5	396.57	DP 444984	12/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
19	SLB-21	Nhà liên kế phố	4	196	124	171.5	396.57	DP 444985	12/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
20	SLB-22	Nhà liên kế phố	4	197	124	171.5	396.57	DP 444986	12/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
21	SLB-23	Nhà liên kế phố	4	198	124	171.5	396.57	DP 444987	12/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
22	SLB-24	Nhà liên kế phố	4	199	124	171.5	396.57	DP 444989	12/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
23	SLB-25	Nhà liên kế phố	4	200	124	171.5	396.57	DP 444990	12/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
24	SLB-26	Nhà liên kế phố	4	201	124	171.5	396.57	DP 444991	12/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
25	SLB-27	Nhà liên kế phố	4	202	124	171.5	396.57	DP 444992	12/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
26	SLB-28	Nhà liên kế phố	4	203	124	171.5	396.57	DP 444993	12/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
27	SLB-29	Nhà liên kế phố	4	204	124	218.2	401.56	DP 444994	12/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
28	SLB-30	Nhà liên kế phố	4	205	124	157.5	380.98	DP 444995	12/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
29	SLB-31	Nhà liên kế phố	4	206	124	157.5	380.98	DP 444996	12/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
30	SLB-32	Nhà liên kế phố	4	207	124	157.5	380.98	DP 444997	12/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
31	SLB-33	Nhà liên kế phố	4	208	124	157.5	380.98	DP 444998	12/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
32	SLB-34	Nhà liên kế phố	4	209	124	223.8	401.56	DP 444999	12/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
33	SLB-35	Nhà liên kế phố	4	210	124	171.5	396.57	DP 445000	12/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
34	SLB-36	Nhà liên kế phố	4	211	124	171.5	396.57	DP 449601	12/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
35	SLB-37	Nhà liên kế phố	4	212	124	171.5	396.57	DP 449602	12/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
36	SLB-38	Nhà liên kế phố	4	213	124	171.5	396.57	DP 449603	12/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
37	SLB-39	Nhà liên kế phố	4	214	124	171.5	396.57	DP 449604	12/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
38	SLB-40	Nhà liên kế phố	4	215	124	171.5	396.57	DP 449605	12/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
39	SLB-41	Nhà liên kế phố	4	216	124	171.5	396.57	DP 449606	12/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
40	SLB-42	Nhà liên kế phố	4	217	124	171.5	396.57	DP 449607	12/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
41	SLB-43	Nhà liên kế phố	4	218	124	171.5	396.57	DP 449608	12/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
42	SLB-44	Nhà liên kế phố	4	219	124	171.5	396.57	DP 449609	12/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
43	SLB-45	Nhà liên kế phố	4	220	124	171.5	396.57	DP 449610	12/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
44	SLB-46	Nhà liên kế phố	4	221	124	171.5	396.57	DP 449611	12/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
45	SLB-47	Nhà liên kế phố	4	222	124	171.5	396.57	DP 449612	12/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
46	SLB-48	Nhà liên kế phố	4	223	124	171.5	396.57	DP 449613	12/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
47	SLB-49	Nhà liên kế phố	4	224	124	171.5	396.57	DP 449614	12/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
48	SLB-50	Nhà liên kế phố	4	225	124	171.5	396.57	DP 449615	12/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
49	SLB-51	Nhà liên kế phố	4	226	124	171.5	396.57	DP 449616	12/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
50	SLB-52	Nhà liên kế phố	4	227	124	171.5	396.57	DP 449617	12/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
51	SLB-53	Nhà liên kế phố	4	228	124	171.5	396.57	DP 449618	12/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
52	SLB-54	Nhà liên kế phố	4	229	124	171.5	396.57	DP 449619	12/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
53	SLB-55	Nhà liên kế phố	4	230	124	171.5	396.57	DP 449620	12/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
54	SLB-56	Nhà liên kế phố	4	231	124	171.5	396.57	DP 449621	12/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
V	**SONG LẬP SLF- NO2**					**6,911.00**	**16,956.40**			
1	SLF-1	Nhà liên kế phố	4	268	14	165.6	339.66	DO 386784	8/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
2	SLF-2	Nhà liên kế phố	4	269	14	131.4	363.44	DO 386785	8/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
3	SLF-3	Nhà liên kế phố	4	270	14	131.4	363.44	DO 386786	8/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
4	SLF-4	Nhà liên kế phố	4	271	14	131.4	363.44	DO 386787	8/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
5	SLF-5	Nhà liên kế phố	4	272	14	131.4	363.44	DO 386788	8/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
6	SLF-6	Nhà liên kế phố	4	273	14	165.6	339.66	DO 386789	8/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
7	SLF-7	Nhà liên kế phố	4	274	14	162.7	396.57	DO 386790	8/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
8	SLF-8	Nhà liên kế phố	4	275	14	162.7	396.57	DO 386792	8/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
9	SLF-9	Nhà liên kế phố	4	276	14	162.7	396.57	DO 386791	8/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
10	SLF-10	Nhà liên kế phố	4	277	14	162.7	396.57	DO 386793	8/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
11	SLF-11	Nhà liên kế phố	4	278	14	162.7	396.57	DO 386794	8/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
12	SLF-12	Nhà liên kế phố	4	279	14	162.7	396.57	DO 386795	8/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
13	SLF-13	Nhà liên kế phố	4	280	14	162.7	396.57	DO 386796	8/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
14	SLF-14	Nhà liên kế phố	4	281	14	162.7	396.57	DO 386797	8/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
15	SLF-15	Nhà liên kế phố	4	282	14	162.7	396.57	DP 261051	8/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
16	SLF-16	Nhà liên kế phố	4	283	14	162.7	396.57	DP 261052	8/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
17	SLF-17	Nhà liên kế phố	4	284	15	162.7	396.57	DP 261064	8/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
18	SLF-18	Nhà liên kế phố	4	285	15	162.7	396.57	DP 261065	8/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
19	SLF-19	Nhà liên kế phố	4	286	15	162.7	396.57	DP 261066	8/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
20	SLF-20	Nhà liên kế phố	4	287	15	162.7	396.57	DP 261067	8/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
21	SLF-21	Nhà liên kế phố	4	288	15	162.7	396.57	DP 261068	8/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
22	SLF-22	Nhà liên kế phố	4	289	15	162.7	396.57	DP 261069	8/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
23	SLF-23	Nhà liên kế phố	4	290	15	161.1	339.66	DP 261070	8/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
24	SLF-24	Nhà liên kế phố	4	291	15	131.4	363.44	DP 261071	8/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
25	SLF-25	Nhà liên kế phố	4	292	15	131.4	363.44	DP 261072	8/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
26	SLF-26	Nhà liên kế phố	4	293	15	131.4	363.44	AA 03106308	9/26/2025	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
27	SLF-27	Nhà liên kế phố	4	294	15	131.4	363.44	DP 261074	8/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
28	SLF-28	Nhà liên kế phố	4	295	15	161.1	339.66	DP 261075	8/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
29	SLF-29	Nhà liên kế phố	4	296	15	162.7	396.57	DP 261076	8/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
30	SLF-30	Nhà liên kế phố	4	297	15	162.7	396.57	DP 261077	8/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
31	SLF-31	Nhà liên kế phố	4	298	15	162.7	396.57	DP 261078	8/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
32	SLF-32	Nhà liên kế phố	4	299	15	162.7	396.57	DP 261079	8/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
33	SLF-33	Nhà liên kế phố	4	300	15	162.7	396.57	DP 261081	8/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
34	SLF-34	Nhà liên kế phố	4	301	15	162.7	396.57	DP 261082	8/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
35	SLF-35	Nhà liên kế phố	4	302	14	162.7	396.57	DP 261053	8/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
36	SLF-36	Nhà liên kế phố	4	303	14	162.7	396.57	DP 261054	8/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
37	SLF-37	Nhà liên kế phố	4	304	14	162.7	396.57	DP 261055	8/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
38	SLF-38	Nhà liên kế phố	4	305	14	162.7	396.57	DP 261056	8/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
39	SLF-39	Nhà liên kế phố	4	306	14	162.7	396.57	DP 261057	8/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
40	SLF-40	Nhà liên kế phố	4	307	14	162.7	396.57	DP 261058	8/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
41	SLF-41	Nhà liên kế phố	4	308	14	162.7	396.57	DP 261060	8/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
42	SLF-42	Nhà liên kế phố	4	309	14	162.7	396.57	DP 261059	8/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
43	SLF-43	Nhà liên kế phố	4	310	14	162.7	396.57	DP 261061	8/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
44	SLF-44	Nhà liên kế phố	4	311	14	162.7	396.57	DP 261063	8/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai

VI	**SONG LẬP SLG- NO2**					**6,911.00**	**16,956.40**			
1	SLG-1	Nhà liên kế phố	4	196	15	165.6	339.66	DP 961723	20/11/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
2	SLG-2	Nhà liên kế phố	4	197	15	131.4	363.44	DP 961751	20/11/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
3	SLG-3	Nhà liên kế phố	4	198	15	131.4	363.44	DP 961725	20/11/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
4	SLG-4	Nhà liên kế phố	4	199	15	131.4	363.44	DP 961752	20/11/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
5	SLG-5	Nhà liên kế phố	4	200	15	131.4	363.44	DP 961755	20/11/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
6	SLG-6	Nhà liên kế phố	4	201	15	165.6	339.66	DP 961728	20/11/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
7	SLG-7	Nhà liên kế phố	4	202	15	162.7	396.57	DP 961729	20/11/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
8	SLG-8	Nhà liên kế phố	4	203	15	162.7	396.57	DP 961730	20/11/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
9	SLG-9	Nhà liên kế phố	4	204	15	162.7	396.57	DP 961731	20/11/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
10	SLG-10	Nhà liên kế phố	4	205	15	162.7	396.57	DP 961756	20/11/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
11	SLG-11	Nhà liên kế phố	4	206	15	162.7	396.57	DP 961733	20/11/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
12	SLG-12	Nhà liên kế phố	4	207	15	162.7	396.57	DP 961734	20/11/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
13	SLG-13	Nhà liên kế phố	4	208	15	162.7	396.57	DP 961757	20/11/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
14	SLG-14	Nhà liên kế phố	4	209	15	162.7	396.57	DP 961736	20/11/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
15	SLG-15	Nhà liên kế phố	4	210	15	162.7	396.57	DP 961758	20/11/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
16	SLG-16	Nhà liên kế phố	4	211	15	162.7	396.57	DP 961759	20/11/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
17	SLG-17	Nhà liên kế phố	4	212	15	162.7	396.57	DP 961760	20/11/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
18	SLG-18	Nhà liên kế phố	4	213	15	162.7	396.57	DP 961761	20/11/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
19	SLG-19	Nhà liên kế phố	4	214	15	162.7	396.57	DP 961762	20/11/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
20	SLG-20	Nhà liên kế phố	4	215	15	162.7	396.57	DP 961742	20/11/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
21	SLG-21	Nhà liên kế phố	4	216	15	162.7	396.57	DP 961743	20/11/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
22	SLG-22	Nhà liên kế phố	4	217	15	162.7	396.57	DP 961744	20/11/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
23	SLG-23	Nhà liên kế phố	4	174	15	161.1	339.66	DP 961701	20/11/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
24	SLG-24	Nhà liên kế phố	4	175	15	131.4	363.44	DP 961702	20/11/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
25	SLG-25	Nhà liên kế phố	4	176	15	131.4	363.44	DP 961703	20/11/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
26	SLG-26	Nhà liên kế phố	4	177	15	131.4	363.44	DP 961704	20/11/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
27	SLG-27	Nhà liên kế phố	4	178	15	131.4	363.44	DP 961705	20/11/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
28	SLG-28	Nhà liên kế phố	4	179	15	161.1	339.66	DP 961706	20/11/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
29	SLG-29	Nhà liên kế phố	4	180	15	162.7	396.57	DP 961707	20/11/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
30	SLG-30	Nhà liên kế phố	4	181	15	162.7	396.57	DP 961745	20/11/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
31	SLG-31	Nhà liên kế phố	4	182	15	162.7	396.57	DP 961709	20/11/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
32	SLG-32	Nhà liên kế phố	4	183	15	162.7	396.57	DP 961710	20/11/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
33	SLG-33	Nhà liên kế phố	4	184	15	162.7	396.57	DP 961711	20/11/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
34	SLG-34	Nhà liên kế phố	4	185	15	162.7	396.57	DP 961712	20/11/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
35	SLG-35	Nhà liên kế phố	4	186	15	162.7	396.57	DP 961713	20/11/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
36	SLG-36	Nhà liên kế phố	4	187	15	162.7	396.57	DP 961714	20/11/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
37	SLG-37	Nhà liên kế phố	4	188	15	162.7	396.57	DP 961747	20/11/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
38	SLG-38	Nhà liên kế phố	4	189	15	162.7	396.57	DP 961716	20/11/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
39	SLG-39	Nhà liên kế phố	4	190	15	162.7	396.57	DP 961717	20/11/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
40	SLG-40	Nhà liên kế phố	4	191	15	162.7	396.57	DP 961718	20/11/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
41	SLG-41	Nhà liên kế phố	4	192	15	162.7	396.57	DP 961719	20/11/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
42	SLG-42	Nhà liên kế phố	4	193	15	162.7	396.57	DP 961720	20/11/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
43	SLG-43	Nhà liên kế phố	4	194	15	162.7	396.57	DP 961721	20/11/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
44	SLG-44	Nhà liên kế phố	4	195	15	162.7	396.57	DP 961748	20/11/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
VII	**LIÊN KẾ 1 - NO2**					**5,593.00**	**15,045.68**			
1	LK1-03	Nhà liên kế phố	4	312	4	121.4	332.11	DO 259751	31/7/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
2	LK1-04	Nhà liên kế phố	4	313	4	261	476.39	DO 259752	31/7/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
3	LK1-05	Nhà liên kế phố	4	314	4	117	332.11	DO 259753	31/7/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
4	LK1-06	Nhà liên kế phố	4	315	4	117	332.11	DO 259754	31/7/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
5	LK1-07	Nhà liên kế phố	4	316	4	117	332.11	DO 259755	31/7/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
6	LK1-08	Nhà liên kế phố	4	317	4	117	332.11	DO 259756	31/7/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
7	LK1-09	Nhà liên kế phố	4	318	4	117	332.11	DO 259757	31/7/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
8	LK1-10	Nhà liên kế phố	4	319	4	117	332.11	DO 259758	31/7/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
9	LK1-11	Nhà liên kế phố	4	320	4	117	332.11	DO 259759	31/7/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
10	LK1-12	Nhà liên kế phố	4	321	4	117	332.11	DO 259760	31/7/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
11	LK1-13	Nhà liên kế phố	4	322	4	117	332.11	DO 259761	31/7/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
12	LK1-14	Nhà liên kế phố	4	323	4	117	332.11	DO 259762	31/7/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
13	LK1-15	Nhà liên kế phố	4	324	4	117	332.11	DO 259763	31/7/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
14	LK1-16	Nhà liên kế phố	4	325	4	117	332.11	DO 259764	31/7/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
15	LK1-17	Nhà liên kế phố	4	326	4	117	332.11	DO 259765	31/7/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
16	LK1-18	Nhà liên kế phố	4	327	4	117	332.11	DO 259766	31/7/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
17	LK1-19	Nhà liên kế phố	4	328	4	117	332.11	DO 259767	31/7/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
18	LK1-20	Nhà liên kế phố	4	329	4	117	332.11	DO 259768	31/7/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
19	LK1-21	Nhà liên kế phố	4	330	4	117	332.11	DO 259769	31/7/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
20	LK1-22	Nhà liên kế phố	4	331	4	117	332.11	DO 259770	31/7/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
21	LK1-23	Nhà liên kế phố	4	332	4	117	332.11	DO 259771	31/7/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
22	LK1-24	Nhà liên kế phố	4	333	4	261	476.39	DO 259772	31/7/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
23	LK1-25	Nhà liên kế phố	4	334	4	121.3	332.11	DO 259773	31/7/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
24	LK1-26	Nhà liên kế phố	4	335	4	121.3	332.11	DO 259774	31/7/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
25	LK1-27	Nhà liên kế phố	4	336	4	261	476.39	DO 259775	31/7/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
26	LK1-28	Nhà liên kế phố	4	337	4	117	332.11	DO 259776	31/7/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
27	LK1-29	Nhà liên kế phố	4	338	4	117	332.11	DO 259777	31/7/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
28	LK1-30	Nhà liên kế phố	4	339	4	117	332.11	DO 259778	31/7/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
29	LK1-31	Nhà liên kế phố	4	340	4	117	332.11	DO 259779	31/7/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
30	LK1-32	Nhà liên kế phố	4	341	4	117	332.11	DO 259780	31/7/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
31	LK1-33	Nhà liên kế phố	4	342	4	117	332.11	DO 259781	31/7/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
32	LK1-34	Nhà liên kế phố	4	343	4	117	332.11	DO 259782	31/7/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
33	LK1-35	Nhà liên kế phố	4	344	4	117	332.11	DO 259783	31/7/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
34	LK1-36	Nhà liên kế phố	4	345	4	117	332.11	DO 259784	31/7/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
35	LK1-37	Nhà liên kế phố	4	346	4	117	332.11	DO 259785	31/7/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
36	LK1-38	Nhà liên kế phố	4	347	4	117	332.11	DO 259786	31/7/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
37	LK1-39	Nhà liên kế phố	4	348	4	117	332.11	DO 259787	31/7/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
38	LK1-40	Nhà liên kế phố	4	349	4	117	332.11	DO 259788	31/7/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
39	LK1-41	Nhà liên kế phố	4	350	4	117	332.11	DO 259789	31/7/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
40	LK1-42	Nhà liên kế phố	4	351	4	117	332.11	DO 259790	31/7/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
41	LK1-43	Nhà liên kế phố	4	352	4	117	332.11	DO 259791	31/7/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
42	LK1-44	Nhà liên kế phố	4	353	4	117	332.11	DO 259792	31/7/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
43	LK1-45	Nhà liên kế phố	4	354	4	117	332.11	DO 259793	31/7/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
44	LK1-46	Nhà liên kế phố	4	355	4	117	332.11	DO 259794	31/7/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
VIII	**LIÊN KẾ 2 - NO2**					**5,976.00**	**15,854.18**			

1	LK2-01	Nhà liên kế phố	4	414	4	260.9	476.39	AA 00843101	20/02/2025	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
2	LK2-02	Nhà liên kế phố	4	415	4	121.6	332.11	AA 00843102	20/02/2025	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
3	LK2-03	Nhà liên kế phố	4	416	4	121.6	332.11	AA 00843103	20/02/2025	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
4	LK2-04	Nhà liên kế phố	4	417	4	260.9	476.39	AA 00843104	20/02/2025	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
5	LK2-05	Nhà liên kế phố	4	418	4	117	332.11	AA 00843105	20/02/2025	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
6	LK2-06	Nhà liên kế phố	4	419	4	117	332.11	AA 00843106	20/02/2025	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
7	LK2-07	Nhà liên kế phố	4	420	4	117	332.11	AA 00843107	20/02/2025	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
8	LK2-08	Nhà liên kế phố	4	421	4	117	332.11	AA 00843108	20/02/2025	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
9	LK2-09	Nhà liên kế phố	4	422	4	117	332.11	AA 00843109	20/02/2025	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
10	LK2-10	Nhà liên kế phố	4	423	4	117	332.11	AA 00843110	20/02/2025	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
11	LK2-11	Nhà liên kế phố	4	424	4	117	332.11	AA 00843111	20/02/2025	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
12	LK2-12	Nhà liên kế phố	4	425	4	117	332.11	AA 00843112	20/02/2025	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
13	LK2-13	Nhà liên kế phố	4	426	4	117	332.11	AA 00843113	20/02/2025	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
14	LK2-14	Nhà liên kế phố	4	427	4	117	332.11	AA 00843114	20/02/2025	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
15	LK2-15	Nhà liên kế phố	4	428	4	117	332.11	AA 00843115	20/02/2025	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
16	LK2-16	Nhà liên kế phố	4	429	4	117	332.11	AA 00843116	20/02/2025	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
17	LK2-17	Nhà liên kế phố	4	430	4	117	332.11	AA 00843117	20/02/2025	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
18	LK2-18	Nhà liên kế phố	4	431	4	117	332.11	AA 00843118	20/02/2025	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
19	LK2-19	Nhà liên kế phố	4	432	4	117	332.11	AA 00843119	20/02/2025	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
20	LK2-20	Nhà liên kế phố	4	433	4	117	332.11	AA 00843120	20/02/2025	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
21	LK2-21	Nhà liên kế phố	4	434	4	117	332.11	AA 00843121	20/02/2025	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
22	LK2-22	Nhà liên kế phố	4	435	4	117	332.11	AA 00843122	20/02/2025	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
23	LK2-23	Nhà liên kế phố	4	436	4	117	332.11	AA 00843123	20/02/2025	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
24	LK2-24	Nhà liên kế phố	4	437	4	260.9	476.39	AA 00843124	20/02/2025	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
25	LK2-25	Nhà liên kế phố	4	438	4	121.6	332.11	AA 00843125	20/02/2025	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
26	LK2-26	Nhà liên kế phố	4	439	4	121.6	332.11	AA 00843126	20/02/2025	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
27	LK2-27	Nhà liên kế phố	4	440	4	260.9	476.39	AA 00843127	20/02/2025	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
28	LK2-28	Nhà liên kế phố	4	441	4	117	332.11	AA 00843128	20/02/2025	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
29	LK2-29	Nhà liên kế phố	4	442	4	117	332.11	AA 00843129	20/02/2025	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
30	LK2-30	Nhà liên kế phố	4	443	4	117	332.11	AA 00843130	20/02/2025	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
31	LK2-31	Nhà liên kế phố	4	444	4	117	332.11	AA 00843131	20/02/2025	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
32	LK2-32	Nhà liên kế phố	4	445	4	117	332.11	AA 00843132	20/02/2025	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
33	LK2-33	Nhà liên kế phố	4	446	4	117	332.11	AA 00843133	20/02/2025	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
34	LK2-34	Nhà liên kế phố	4	447	4	117	332.11	AA 00843134	20/02/2025	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
35	LK2-35	Nhà liên kế phố	4	448	4	117	332.11	AA 00843135	20/02/2025	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
36	LK2-36	Nhà liên kế phố	4	449	4	117	332.11	AA 00843136	20/02/2025	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
37	LK2-37	Nhà liên kế phố	4	450	4	117	332.11	AA 00843137	20/02/2025	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
38	LK2-38	Nhà liên kế phố	4	451	4	117	332.11	AA 00843138	20/02/2025	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
39	LK2-39	Nhà liên kế phố	4	452	4	117	332.11	AA 00843139	20/02/2025	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
40	LK2-40	Nhà liên kế phố	4	453	4	117	332.11	AA 00843140	20/02/2025	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
41	LK2-41	Nhà liên kế phố	4	454	4	117	332.11	AA 00843141	20/02/2025	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
42	LK2-42	Nhà liên kế phố	4	455	4	117	332.11	AA 00843142	20/02/2025	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
43	LK2-43	Nhà liên kế phố	4	456	4	117	332.11	AA 00843143	20/02/2025	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
44	LK2-44	Nhà liên kế phố	4	457	4	117	332.11	AA 00843144	20/02/2025	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
45	LK2-45	Nhà liên kế phố	4	458	4	117	332.11	AA 00843145	20/02/2025	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
46	LK2-46	Nhà liên kế phố	4	459	4	117	332.11	AA 00843146	20/02/2025	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
IX	**LIÊN KẾ 3 - NO2**					**5,976.00**	**15,854.18**			
1	LK3-01	Nhà liên kế phố	4	686	7	260.9	476.39	DP 444954	8/19/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
2	LK3-02	Nhà liên kế phố	4	687	7	121.6	332.11	DP 444953	8/19/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
3	LK3-03	Nhà liên kế phố	4	688	7	121.6	332.11	DP 444951	8/19/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
4	LK3-04	Nhà liên kế phố	4	689	7	260.9	476.39	DO 259720	8/19/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
5	LK3-05	Nhà liên kế phố	4	690	7	117	332.11	DO 259719	8/19/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
6	LK3-06	Nhà liên kế phố	4	691	7	117	332.11	DP 444955	8/19/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
7	LK3-07	Nhà liên kế phố	4	692	7	117	332.11	DP 444956	8/19/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
8	LK3-08	Nhà liên kế phố	4	693	7	117	332.11	DP 444957	8/19/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
9	LK3-09	Nhà liên kế phố	4	694	7	117	332.11	DP 444958	8/19/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
10	LK3-10	Nhà liên kế phố	4	695	7	117	332.11	DP 444959	8/19/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
11	LK3-11	Nhà liên kế phố	4	696	7	117	332.11	DP 444960	8/19/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
12	LK3-12	Nhà liên kế phố	4	697	7	117	332.11	DP 444961	8/19/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
13	LK3-13	Nhà liên kế phố	4	698	7	117	332.11	DP 444962	8/19/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
14	LK3-14	Nhà liên kế phố	4	699	7	117	332.11	DP 444963	8/19/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
15	LK3-15	Nhà liên kế phố	4	700	7	117	332.11	DP 444964	8/19/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
16	LK3-16	Nhà liên kế phố	4	701	7	117	332.11	DP 444965	8/19/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
17	LK3-17	Nhà liên kế phố	4	702	7	117	332.11	DO 259721	8/19/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
18	LK3-18	Nhà liên kế phố	4	703	7	117	332.11	DO 259722	8/19/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
19	LK3-19	Nhà liên kế phố	4	704	7	117	332.11	DO 259723	8/19/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
20	LK3-20	Nhà liên kế phố	4	705	7	117	332.11	DO 259724	8/19/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
21	LK3-21	Nhà liên kế phố	4	706	7	117	332.11	DO 259725	8/19/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
22	LK3-22	Nhà liên kế phố	4	707	7	117	332.11	DO 259726	8/19/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
23	LK3-23	Nhà liên kế phố	4	708	7	117	332.11	DO 259727	8/19/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
24	LK3-24	Nhà liên kế phố	4	709	7	260.9	476.39	DO 259728	8/19/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
25	LK3-25	Nhà liên kế phố	4	710	7	121.6	332.11	DO 259729	8/19/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
26	LK3-26	Nhà liên kế phố	4	711	7	121.6	332.11	DO 259730	8/19/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
27	LK3-27	Nhà liên kế phố	4	712	7	260.9	476.39	DO 259731	8/19/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
28	LK3-28	Nhà liên kế phố	4	713	7	117	332.11	DO 259732	8/19/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
29	LK3-29	Nhà liên kế phố	4	714	7	117	332.11	DO 259733	8/19/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
30	LK3-30	Nhà liên kế phố	4	715	7	117	332.11	DO 259734	8/19/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
31	LK3-31	Nhà liên kế phố	4	716	7	117	332.11	DO 259735	8/19/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
32	LK3-32	Nhà liên kế phố	4	717	7	117	332.11	DO 259736	8/19/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
33	LK3-33	Nhà liên kế phố	4	718	7	117	332.11	DP 444952	8/19/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
34	LK3-34	Nhà liên kế phố	4	719	7	117	332.11	DO 259738	8/19/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
35	LK3-35	Nhà liên kế phố	4	720	7	117	332.11	DO 259739	8/19/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
36	LK3-36	Nhà liên kế phố	4	721	7	117	332.11	DO 259740	8/19/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
37	LK3-37	Nhà liên kế phố	4	722	7	117	332.11	DO 259741	8/19/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
38	LK3-38	Nhà liên kế phố	4	723	7	117	332.11	DO 259742	8/19/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
39	LK3-39	Nhà liên kế phố	4	724	7	117	332.11	DO 259743	8/19/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
40	LK3-40	Nhà liên kế phố	4	725	7	117	332.11	DO 259744	8/19/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
41	LK3-41	Nhà liên kế phố	4	726	7	117	332.11	DO 259745	8/19/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
42	LK3-42	Nhà liên kế phố	4	727	7	117	332.11	DO 259746	8/19/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
43	LK3-43	Nhà liên kế phố	4	728	7	117	332.11	DO 259747	8/19/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
44	LK3-44	Nhà liên kế phố	4	729	7	117	332.11	DO 259748	8/19/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
45	LK3-45	Nhà liên kế phố	4	730	7	117	332.11	DO 259749	8/19/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
46	LK3-46	Nhà liên kế phố	4	731	7	117	332.11	DO 259750	8/19/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
X	**LIÊN KẾ 4 - NO2**					**5,976.00**	**15,854.18**			

1	LK4-01	Nhà liên kế phố	4	670	7	260.9	476.39	DP 961794	12/12/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
2	LK4-02	Nhà liên kế phố	4	671	7	121.6	332.11	DP 961795	12/12/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
3	LK4-03	Nhà liên kế phố	4	672	7	121.6	332.11	DP 961796	12/12/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
4	LK4-04	Nhà liên kế phố	4	673	7	260.9	476.39	DP 961797	12/12/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
5	LK4-05	Nhà liên kế phố	4	674	7	117	332.11	DP 961798	12/12/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
6	LK4-06	Nhà liên kế phố	4	675	7	117	332.11	DP 961799	12/12/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
7	LK4-07	Nhà liên kế phố	4	676	7	117	332.11	DP 961800	12/12/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
8	LK4-08	Nhà liên kế phố	4	677	7	117	332.11	DP 961400	12/12/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
9	LK4-09	Nhà liên kế phố	4	678	7	117	332.11	DP 961399	12/12/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
10	LK4-10	Nhà liên kế phố	4	679	7	117	332.11	DP 961398	12/12/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
11	LK4-11	Nhà liên kế phố	4	680	7	117	332.11	DP 961397	12/12/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
12	LK4-12	Nhà liên kế phố	4	681	7	117	332.11	DP 961396	12/12/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
13	LK4-13	Nhà liên kế phố	4	682	7	117	332.11	DP 961395	12/12/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
14	LK4-14	Nhà liên kế phố	4	683	7	117	332.11	DP 961394	12/12/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
15	LK4-15	Nhà liên kế phố	4	684	7	117	332.11	DP 961393	12/12/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
16	LK4-16	Nhà liên kế phố	4	685	7	117	332.11	DP 961392	12/12/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
17	LK4-17	Nhà liên kế phố	4	640	7	117	332.11	DP 961764	12/12/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
18	LK4-18	Nhà liên kế phố	4	641	7	117	332.11	DP 961386	12/12/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
19	LK4-19	Nhà liên kế phố	4	642	7	117	332.11	DP 961766	12/12/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
20	LK4-20	Nhà liên kế phố	4	643	7	117	332.11	DP 961767	12/12/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
21	LK4-21	Nhà liên kế phố	4	644	7	117	332.11	DP 961768	12/12/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
22	LK4-22	Nhà liên kế phố	4	645	7	117	332.11	DP 961769	12/12/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
23	LK4-23	Nhà liên kế phố	4	646	7	117	332.11	DP 961770	12/12/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
24	LK4-24	Nhà liên kế phố	4	647	7	260.9	476.39	DP 961391	12/12/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
25	LK4-25	Nhà liên kế phố	4	648	7	121.6	332.11	DP 961772	12/12/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
26	LK4-26	Nhà liên kế phố	4	649	7	121.6	332.11	DP 961773	12/12/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
27	LK4-27	Nhà liên kế phố	4	650	7	260.9	476.39	DP 961774	12/12/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
28	LK4-28	Nhà liên kế phố	4	651	7	117	332.11	DP 961775	12/12/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
29	LK4-29	Nhà liên kế phố	4	652	7	117	332.11	DP 961776	12/12/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
30	LK4-30	Nhà liên kế phố	4	653	7	117	332.11	DP 961777	12/12/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
31	LK4-31	Nhà liên kế phố	4	654	7	117	332.11	DP 961778	12/12/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
32	LK4-32	Nhà liên kế phố	4	655	7	117	332.11	DP 961779	12/12/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
33	LK4-33	Nhà liên kế phố	4	656	7	117	332.11	DP 961780	12/12/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
34	LK4-34	Nhà liên kế phố	4	657	7	117	332.11	DP 961781	12/12/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
35	LK4-35	Nhà liên kế phố	4	658	7	117	332.11	DP 961782	12/12/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
36	LK4-36	Nhà liên kế phố	4	659	7	117	332.11	DP 961783	12/12/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
37	LK4-37	Nhà liên kế phố	4	660	7	117	332.11	DP 961784	12/12/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
38	LK4-38	Nhà liên kế phố	4	661	7	117	332.11	DP 961785	12/12/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
39	LK4-39	Nhà liên kế phố	4	662	7	117	332.11	DP 961786	12/12/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
40	LK4-40	Nhà liên kế phố	4	663	7	117	332.11	DP 961787	12/12/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
41	LK4-41	Nhà liên kế phố	4	664	7	117	332.11	DP 961788	12/12/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
42	LK4-42	Nhà liên kế phố	4	665	7	117	332.11	DP 961789	12/12/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
43	LK4-43	Nhà liên kế phố	4	666	7	117	332.11	DP 961384	12/12/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
44	LK4-44	Nhà liên kế phố	4	667	7	117	332.11	DP 961791	12/12/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
45	LK4-45	Nhà liên kế phố	4	668	7	117	332.11	DP 961792	12/12/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
46	LK4-46	Nhà liên kế phố	4	669	7	117	332.11	DP 961793		VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
XI	**LIÊN KẾ 5 - NO2**					**8,495.00**	**20,980.58**			
1	LK5-1	Nhà liên kế phố	4	232	124	287.7	406.26	DO 386980	31/7/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
2	LK5-2	Nhà liên kế phố	4	233	124	147	384.7	DO 386981	31/7/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
3	LK5-3	Nhà liên kế phố	4	234	124	147	384.7	DO 386982	31/7/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
4	LK5-4	Nhà liên kế phố	4	235	124	147	384.7	DO 386983	31/7/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
5	LK5-5	Nhà liên kế phố	4	236	124	147	384.7	DO 386984	31/7/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
6	LK5-6	Nhà liên kế phố	4	237	124	147	384.7	DO 386985	31/7/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
7	LK5-7	Nhà liên kế phố	4	238	124	147	384.7	DO 386986	31/7/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
8	LK5-8	Nhà liên kế phố	4	239	124	147	384.7	DO 386987	31/7/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
9	LK5-9	Nhà liên kế phố	4	240	124	147	384.7	DO 386988	31/7/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
10	LK5-10	Nhà liên kế phố	4	241	124	147	384.7	DO 386989	31/7/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
11	LK5-11	Nhà liên kế phố	4	242	124	147	384.7	DO 386990	31/7/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
12	LK5-12	Nhà liên kế phố	4	243	124	147	384.7	DO 386991	31/7/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
13	LK5-13	Nhà liên kế phố	4	244	124	147	384.7	DO 386992	31/7/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
14	LK5-14	Nhà liên kế phố	4	245	124	147	384.7	DO 386993	31/7/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
15	LK5-15	Nhà liên kế phố	4	246	124	147	384.7	DO 386994	31/7/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
16	LK5-16	Nhà liên kế phố	4	247	124	147	384.7	DO 386995	31/7/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
17	LK5-17	Nhà liên kế phố	4	248	124	147	384.7	DO 386996	31/7/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
18	LK5-18	Nhà liên kế phố	4	249	124	147	384.7	DO 386997	31/7/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
19	LK5-19	Nhà liên kế phố	4	250	124	147	384.7	DO 386998	31/7/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
20	LK5-20	Nhà liên kế phố	4	251	124	147	384.7	DO 386999	31/7/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
21	LK5-21	Nhà liên kế phố	4	252	124	147	384.7	DO 387000	31/7/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
22	LK5-22	Nhà liên kế phố	4	253	124	147	384.7	DO 259651	31/7/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
23	LK5-23	Nhà liên kế phố	4	254	124	147	384.7	DO 259652	31/7/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
24	LK5-24	Nhà liên kế phố	4	255	124	147	384.7	DO 259653	31/7/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
25	LK5-25	Nhà liên kế phố	4	256	124	147	396.7	DO 259654	31/7/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
26	LK5-26	Nhà liên kế phố	4	257	124	147	384.7	DO 259655	31/7/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
27	LK5-27	Nhà liên kế phố	4	258	124	282	483.04	DO 259656	31/7/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
28	LK5-28	Nhà liên kế phố	4	259	124	145.5	372.71	DO 259657	31/7/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
29	LK5-29	Nhà liên kế phố	4	260	124	145.5	372.71	DO 259658	31/7/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
30	LK5-30	Nhà liên kế phố	4	261	124	290.6	462	DO 259659	31/7/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
31	LK5-31	Nhà liên kế phố	4	262	124	147	384.7	DO 259660	31/7/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
32	LK5-32	Nhà liên kế phố	4	263	124	147	384.7	DP 261151	31/7/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
33	LK5-33	Nhà liên kế phố	4	264	124	147	384.7	DP 261152	31/7/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
34	LK5-34	Nhà liên kế phố	4	265	124	147	384.7	DP 261153	31/7/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
35	LK5-35	Nhà liên kế phố	4	266	124	147	384.7	DP 261154	31/7/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
36	LK5-36	Nhà liên kế phố	4	267	124	147	384.7	DP 261155	31/7/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
37	LK5-37	Nhà liên kế phố	4	268	124	147	384.7	DP 261156	31/7/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
38	LK5-38	Nhà liên kế phố	4	269	124	147	384.7	DP 261157	31/7/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
39	LK5-39	Nhà liên kế phố	4	270	124	147	384.7	DP 261158	31/7/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
40	LK5-40	Nhà liên kế phố	4	271	124	147	384.7	DP 261159	31/7/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
41	LK5-41	Nhà liên kế phố	4	272	124	147	384.7	DP 261160	31/7/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
42	LK5-42	Nhà liên kế phố	4	273	124	147	384.7	DP 261161	31/7/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
43	LK5-43	Nhà liên kế phố	4	274	124	147	384.7	DP 261162	31/7/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
44	LK5-44	Nhà liên kế phố	4	275	124	147	384.7	DP 261163	31/7/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
45	LK5-45	Nhà liên kế phố	4	276	124	147	384.7	DP 261164	31/7/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
46	LK5-46	Nhà liên kế phố	4	277	124	147	384.7	DP 261165	31/7/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
47	LK5-47	Nhà liên kế phố	4	278	124	147	384.7	DP 261166	31/7/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
48	LK5-48	Nhà liên kế phố	4	279	124	147	384.7	DP 261167	31/7/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
49	LK5-49	Nhà liên kế phố	4	280	124	147	384.7	DP 261168	31/7/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
50	LK5-50	Nhà liên kế phố	4	281	124	147	384.7	DP 261169	31/7/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
51	LK5-51	Nhà liên kế phố	4	282	124	147	384.7	DP 261170	31/7/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
52	LK5-52	Nhà liên kế phố	4	283	124	147	384.7	DP 261171	31/7/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
53	LK5-53	Nhà liên kế phố	4	284	124	147	384.7	DP 261172	31/7/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
54	LK5-54	Nhà liên kế phố	4	285	124	287.7	406.26	DP 261173	31/7/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai

XII	**LIÊN KẾ 6 - NO2**					**7,792.00**	**19,505.30**			
1	LK6-1	Nhà liên kế phố	4	102	12	257.5	483.04	DP 961254	10/18/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
2	LK6-2	Nhà liên kế phố	4	103	12	147	384.7	DP 961255	10/18/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
3	LK6-3	Nhà liên kế phố	4	104	12	147	384.7	DP 961256	10/18/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
4	LK6-4	Nhà liên kế phố	4	105	12	147	384.7	DP 961257	10/18/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
5	LK6-5	Nhà liên kế phố	4	106	12	147	384.7	DP 961258	10/18/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
6	LK6-6	Nhà liên kế phố	4	107	12	147	384.7	DP 961259	10/18/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
7	LK6-7	Nhà liên kế phố	4	108	12	147	384.7	DP 961260	10/18/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
8	LK6-8	Nhà liên kế phố	4	109	12	147	384.7	DP 961261	10/18/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
9	LK6-9	Nhà liên kế phố	4	110	12	147	384.7	DP 961262	10/18/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
10	LK6-10	Nhà liên kế phố	4	111	12	147	384.7	DP 961263	10/18/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
11	LK6-11	Nhà liên kế phố	4	112	12	147	384.7	DP 961264	10/18/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
12	LK6-12	Nhà liên kế phố	4	113	12	147	384.7	DP 961265	10/18/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
13	LK6-13	Nhà liên kế phố	4	114	12	147	384.7	DP 961266	10/18/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
14	LK6-14	Nhà liên kế phố	4	115	12	147	384.7	DP 961267	10/18/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
15	LK6-15	Nhà liên kế phố	4	116	12	147	384.7	DP 961268	10/18/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
16	LK6-16	Nhà liên kế phố	4	117	12	147	384.7	DP 961269	10/18/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
17	LK6-17	Nhà liên kế phố	4	118	12	147	384.7	DP 961270	10/18/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
18	LK6-18	Nhà liên kế phố	4	119	12	147	384.7	DP 961271	10/18/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
19	LK6-19	Nhà liên kế phố	4	120	12	147	384.7	DP 961272	10/18/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
20	LK6-20	Nhà liên kế phố	4	121	12	147	384.7	DP 961273	10/18/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
21	LK6-21	Nhà liên kế phố	4	122	12	147	384.7	DP 961274	10/18/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
22	LK6-22	Nhà liên kế phố	4	123	12	147	384.7	DP 961275	10/18/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
23	LK6-23	Nhà liên kế phố	4	124	12	272.5	462	DP 961276	10/18/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
24	LK6-24	Nhà liên kế phố	4	125	12	139.5	372.71	DP 961277	10/18/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
25	LK6-25	Nhà liên kế phố	4	126	12	139.5	372.71	DP 961278	10/18/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
26	LK6-26	Nhà liên kế phố	4	127	12	139.5	372.71	DP 961279	10/18/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
27	LK6-27	Nhà liên kế phố	4	128	12	139.5	372.71	DP 961280	10/18/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
28	LK6-28	Nhà liên kế phố	4	129	12	272.5	462	DP 961281	10/18/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
29	LK6-29	Nhà liên kế phố	4	130	12	147	384.7	DP 961282	10/18/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
30	LK6-30	Nhà liên kế phố	4	131	12	147	384.7	DP 961283	10/18/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
31	LK6-31	Nhà liên kế phố	4	132	12	147	384.7	DP 961284	10/18/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
32	LK6-32	Nhà liên kế phố	4	133	12	147	384.7	DP 961285	10/18/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
33	LK6-33	Nhà liên kế phố	4	134	12	147	384.7	DP 961286	10/18/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
34	LK6-34	Nhà liên kế phố	4	135	12	147	384.7	DP 961287	10/18/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
35	LK6-35	Nhà liên kế phố	4	136	12	147	384.7	DP 961288	10/18/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
36	LK6-36	Nhà liên kế phố	4	137	12	147	384.7	DP 961289	10/18/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
37	LK6-37	Nhà liên kế phố	4	138	12	147	384.7	DP 961290	10/18/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
38	LK6-38	Nhà liên kế phố	4	139	12	147	384.7	DP 961291	10/18/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
39	LK6-39	Nhà liên kế phố	4	140	12	147	396.7	DP 961292	10/18/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
40	LK6-40	Nhà liên kế phố	4	141	12	147	384.7	DP 961293	10/18/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
41	LK6-41	Nhà liên kế phố	4	142	12	147	384.7	DP 961294	10/18/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
42	LK6-42	Nhà liên kế phố	4	143	12	147	384.7	DP 961295	10/18/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
43	LK6-43	Nhà liên kế phố	4	144	12	147	384.7	DP 961296	10/18/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
44	LK6-44	Nhà liên kế phố	4	145	12	147	384.7	DP 961297	10/18/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
45	LK6-45	Nhà liên kế phố	4	146	12	147	384.7	DP 961298	10/18/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
46	LK6-46	Nhà liên kế phố	4	147	12	147	384.7	DP 961299	10/18/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
47	LK6-47	Nhà liên kế phố	4	148	12	147	384.7	DP 961300	10/18/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
48	LK6-48	Nhà liên kế phố	4	149	12	272.5	462	DP 961064	10/18/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
49	LK6-49	Nhà liên kế phố	4	150	12	139.5	372.71	DP 961065	10/18/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
50	LK6-50	Nhà liên kế phố	4	151	12	139.5	372.71	DP 961066	10/18/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
XIII	**LIÊN KẾ 7- NO2**					**7,803.00**	**20,422.96**			
1	LK7-1	Nhà liên kế phố	4	222	126	210.8	341.71	DP 449137	8/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
2	LK7-2	Nhà liên kế phố	4	223	126	127.5	332.11	DP 449138	8/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
3	LK7-3	Nhà liên kế phố	4	224	126	127.5	332.11	DP 449139	8/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
4	LK7-4	Nhà liên kế phố	4	225	126	127.5	332.11	DP 449140	8/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
5	LK7-5	Nhà liên kế phố	4	226	126	127.5	332.11	DP 449141	8/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
6	LK7-6	Nhà liên kế phố	4	227	126	210.8	341.71	DP 449142	8/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
7	LK7-7	Nhà liên kế phố	4	228	126	135	372.71	DP 449143	8/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
8	LK7-8	Nhà liên kế phố	4	229	126	135	372.71	DP 449144	8/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
9	LK7-9	Nhà liên kế phố	4	230	126	135	372.71	DP 449145	8/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
10	LK7-10	Nhà liên kế phố	4	231	126	135	372.71	DP 449146	8/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
11	LK7-11	Nhà liên kế phố	4	232	126	135	372.71	DP 449147	8/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
12	LK7-12	Nhà liên kế phố	4	233	126	135	372.71	DP 449148	8/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
13	LK7-13	Nhà liên kế phố	4	234	126	135	372.71	DP 449149	8/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
14	LK7-14	Nhà liên kế phố	4	235	126	135	372.71	DP 449150	8/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
15	LK7-15	Nhà liên kế phố	4	236	126	135	372.71	DP 449151	8/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
16	LK7-16	Nhà liên kế phố	4	237	126	135	372.71	DP 449152	8/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
17	LK7-17	Nhà liên kế phố	4	238	126	135	372.71	DP 449153	8/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
18	LK7-18	Nhà liên kế phố	4	239	126	135	372.71	DP 449154	8/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
19	LK7-19	Nhà liên kế phố	4	240	126	135	372.71	DP 449155	8/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
20	LK7-20	Nhà liên kế phố	4	241	126	135	372.71	DP 449156	8/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
21	LK7-21	Nhà liên kế phố	4	242	126	135	372.71	DP 449157	8/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
22	LK7-22	Nhà liên kế phố	4	243	126	135	372.71	DP 449158	8/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
23	LK7-23	Nhà liên kế phố	4	244	126	135	372.71	DP 449159	8/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
24	LK7-24	Nhà liên kế phố	4	245	126	135	372.71	DP 449160	8/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
25	LK7-25	Nhà liên kế phố	4	246	126	135	372.71	DP 449161	8/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
26	LK7-26	Nhà liên kế phố	4	247	126	135	372.71	DP 449162	8/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
27	LK7-27	Nhà liên kế phố	4	248	126	135	372.71	DP 449171	8/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
28	LK7-28	Nhà liên kế phố	4	249	126	135	372.71	DP 449172	8/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
29	LK7-29	Nhà liên kế phố	4	250	126	210.7	341.71	DP 449173	8/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
30	LK7-30	Nhà liên kế phố	4	251	126	127.5	332.11	DP 449174	8/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
31	LK7-31	Nhà liên kế phố	4	252	126	127.5	332.11	DP 449175	8/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
32	LK7-32	Nhà liên kế phố	4	253	126	127.5	332.11	DP 449176	8/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
33	LK7-33	Nhà liên kế phố	4	254	126	127.5	332.11	DP 449177	8/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
34	LK7-34	Nhà liên kế phố	4	255	126	210.7	341.71	DP 449185	8/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
35	LK7-35	Nhà liên kế phố	4	256	126	135	372.71	DP 449178	8/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
36	LK7-36	Nhà liên kế phố	4	257	126	135	372.71	DP 449179	8/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
37	LK7-37	Nhà liên kế phố	4	258	126	135	372.71	DP 449180	8/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
38	LK7-38	Nhà liên kế phố	4	259	126	135	372.71	DP 449181	8/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
39	LK7-39	Nhà liên kế phố	4	260	126	135	372.71	DP 449182	8/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai

40	LK7-40	Nhà liên kế phố	4	261	126	135	372.71	DP 449183	8/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
41	LK7-41	Nhà liên kế phố	4	262	126	135	372.71	DP 449184	8/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
42	LK7-42	Nhà liên kế phố	4	263	126	135	372.71	DP 449186	8/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
43	LK7-43	Nhà liên kế phố	4	264	126	135	372.71	DP 449187	8/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
44	LK7-44	Nhà liên kế phố	4	265	126	135	372.71	DP 449188	8/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
45	LK7-45	Nhà liên kế phố	4	266	126	135	372.71	DP 449189	8/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
46	LK7-46	Nhà liên kế phố	4	267	126	135	372.71	DP 449190	8/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
47	LK7-47	Nhà liên kế phố	4	268	126	135	372.71	DP 449191	8/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
48	LK7-48	Nhà liên kế phố	4	269	126	135	372.71	DP 449192	8/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
49	LK7-49	Nhà liên kế phố	4	270	126	135	372.71	DP 449193	8/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
50	LK7-50	Nhà liên kế phố	4	271	126	135	372.71	DP 449195	8/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
51	LK7-51	Nhà liên kế phố	4	272	126	135	372.71	DP 449170	8/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
52	LK7-52	Nhà liên kế phố	4	273	126	135	372.71	DP 449196	8/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
53	LK7-53	Nhà liên kế phố	4	274	126	135	372.71	DP 449197	8/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
54	LK7-54	Nhà liên kế phố	4	275	126	135	372.71	DP 449198	8/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
55	LK7-55	Nhà liên kế phố	4	276	126	135	372.71	DP 449199	8/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
56	LK7-56	Nhà liên kế phố	4	277	126	135	372.71	DP 449200	8/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
XIV	**LIÊN KẾ 8- NO2**					**7,803.00**	**20,422.96**			
1	LK8-1	Nhà liên kế phố	4	278	126	210.8	341.71	DO 386942	8/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
2	LK8-2	Nhà liên kế phố	4	279	126	127.5	332.11	DO 386943	8/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
3	LK8-3	Nhà liên kế phố	4	280	126	127.5	332.11	DO 386944	8/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
4	LK8-4	Nhà liên kế phố	4	281	126	127.5	332.11	DO 386945	8/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
5	LK8-5	Nhà liên kế phố	4	282	126	127.5	332.11	DO 386946	8/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
6	LK8-6	Nhà liên kế phố	4	283	126	210.8	341.71	DO 386947	8/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
7	LK8-7	Nhà liên kế phố	4	284	126	135	372.71	DO 386948	8/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
8	LK8-8	Nhà liên kế phố	4	285	126	135	372.71	DO 386949	8/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
9	LK8-9	Nhà liên kế phố	4	286	126	135	372.71	DO 207174	8/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
10	LK8-10	Nhà liên kế phố	4	287	126	135	372.71	DO 207175	8/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
11	LK8-11	Nhà liên kế phố	4	288	126	135	372.71	DO 207176	8/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
12	LK8-12	Nhà liên kế phố	4	289	126	135	372.71	DO 207177	8/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
13	LK8-13	Nhà liên kế phố	4	290	126	135	372.71	DO 207178	8/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
14	LK8-14	Nhà liên kế phố	4	291	126	135	372.71	DO 207179	8/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
15	LK8-15	Nhà liên kế phố	4	292	126	135	372.71	DO 207180	8/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
16	LK8-16	Nhà liên kế phố	4	293	126	135	372.71	DO 207181	8/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
17	LK8-17	Nhà liên kế phố	4	294	126	135	372.71	DO 207182	8/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
18	LK8-18	Nhà liên kế phố	4	295	126	135	372.71	DO 207183	8/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
19	LK8-19	Nhà liên kế phố	4	296	126	135	372.71	DO 207184	8/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
20	LK8-20	Nhà liên kế phố	4	297	126	135	372.71	DO 207185	8/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
21	LK8-21	Nhà liên kế phố	4	298	126	135	372.71	DO 207186	8/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
22	LK8-22	Nhà liên kế phố	4	299	126	135	372.71	DO 207187	8/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
23	LK8-23	Nhà liên kế phố	4	300	126	135	372.71	DO 207188	8/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
24	LK8-24	Nhà liên kế phố	4	301	126	135	372.71	DO 207189	8/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
25	LK8-25	Nhà liên kế phố	4	302	126	135	372.71	DO 207190	8/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
26	LK8-26	Nhà liên kế phố	4	303	126	135	372.71	DO 207191	8/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
27	LK8-27	Nhà liên kế phố	4	304	126	135	372.71	DO 207192	8/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
28	LK8-28	Nhà liên kế phố	4	305	126	135	372.71	DO 207193	8/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
29	LK8-29	Nhà liên kế phố	4	306	126	210.7	341.71	DO 207194	8/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
30	LK8-30	Nhà liên kế phố	4	307	126	127.5	332.11	DO 207195	8/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
31	LK8-31	Nhà liên kế phố	4	308	126	127.5	332.11	DO 207196	8/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
32	LK8-32	Nhà liên kế phố	4	309	126	127.5	332.11	DO 207197	8/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
33	LK8-33	Nhà liên kế phố	4	310	126	127.5	332.11	DO 207198	8/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
34	LK8-34	Nhà liên kế phố	4	311	126	210.7	341.71	DO 207199	8/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
35	LK8-35	Nhà liên kế phố	4	312	126	135	372.71	DO 207200	8/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
36	LK8-36	Nhà liên kế phố	4	313	126	135	372.71	DP 261191	8/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
37	LK8-37	Nhà liên kế phố	4	314	126	135	372.71	DP 261192	8/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
38	LK8-38	Nhà liên kế phố	4	315	126	135	372.71	DP 261193	8/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
39	LK8-39	Nhà liên kế phố	4	316	126	135	372.71	DP 261194	8/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
40	LK8-40	Nhà liên kế phố	4	317	126	135	372.71	DP 261195	8/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
41	LK8-41	Nhà liên kế phố	4	318	126	135	372.71	DP 261196	8/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
42	LK8-42	Nhà liên kế phố	4	319	126	135	372.71	DP 261197	8/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
43	LK8-43	Nhà liên kế phố	4	320	126	135	372.71	DP 261198	8/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
44	LK8-44	Nhà liên kế phố	4	321	126	135	372.71	DP 261199	8/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
45	LK8-45	Nhà liên kế phố	4	322	126	135	372.71	DP 261200	8/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
46	LK8-46	Nhà liên kế phố	4	323	126	135	372.71	DP 261181	8/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
47	LK8-47	Nhà liên kế phố	4	324	126	135	372.71	DP 261182	8/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
48	LK8-48	Nhà liên kế phố	4	325	126	135	372.71	DP 261183	8/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
49	LK8-49	Nhà liên kế phố	4	326	126	135	372.71	DP 261184	8/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
50	LK8-50	Nhà liên kế phố	4	327	126	135	372.71	DP 261185	8/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
51	LK8-51	Nhà liên kế phố	4	328	126	135	372.71	DP 261186	8/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
52	LK8-52	Nhà liên kế phố	4	329	126	135	372.71	DP 261187	8/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
53	LK8-53	Nhà liên kế phố	4	330	126	135	372.71	DP 261188	8/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
54	LK8-54	Nhà liên kế phố	4	331	126	135	372.71	DP 261189	8/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
55	LK8-55	Nhà liên kế phố	4	332	126	135	372.71	DP 261190	8/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
56	LK8-56	Nhà liên kế phố	4	333	126	135	372.71	DP 261180	8/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
XV	**LIÊN KẾ 9- NO2**					**7,355.00**	**18,636.56**			
1	LK9-1	Nhà liên kế phố	4	334	126	184	341.71	DP 449555	12/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
2	LK9-2	Nhà liên kế phố	4	335	126	127.5	332.11	DP 449556	12/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
3	LK9-3	Nhà liên kế phố	4	336	126	127.5	332.11	DP 449557	12/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
4	LK9-4	Nhà liên kế phố	4	337	126	127.5	332.11	DP 449558	12/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
5	LK9-5	Nhà liên kế phố	4	338	126	127.5	332.11	DP 449559	12/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
6	LK9-6	Nhà liên kế phố	4	339	126	178.5	341.71	DP 449560	12/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
7	LK9-7	Nhà liên kế phố	4	340	126	127.5	332.11	DP 449561	12/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
8	LK9-8	Nhà liên kế phố	4	341	126	127.5	332.11	DP 449562	12/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
9	LK9-9	Nhà liên kế phố	4	342	126	127.5	332.11	DP 449563	12/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
10	LK9-10	Nhà liên kế phố	4	343	126	127.5	332.11	DP 449564	12/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
11	LK9-11	Nhà liên kế phố	4	344	126	127.5	332.11	DP 449565	12/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
12	LK9-12	Nhà liên kế phố	4	345	126	127.5	332.11	DP 449566	12/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
13	LK9-13	Nhà liên kế phố	4	346	126	127.5	332.11	DP 449567	12/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
14	LK9-14	Nhà liên kế phố	4	347	126	127.5	332.11	DP 449568	12/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
15	LK9-15	Nhà liên kế phố	4	348	126	127.5	332.11	DP 449569	12/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
16	LK9-16	Nhà liên kế phố	4	349	126	127.5	332.11	DP 449570	12/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai

17	LK9-17	Nhà liên kế phố	4	350	126	127.5	332.11	DP 449571	12/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
18	LK9-18	Nhà liên kế phố	4	351	126	127.5	332.11	DP 449572	12/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
19	LK9-19	Nhà liên kế phố	4	352	126	127.5	332.11	DP 449573	12/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
20	LK9-20	Nhà liên kế phố	4	353	126	127.5	332.11	DP 449574	12/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
21	LK9-21	Nhà liên kế phố	4	354	126	127.5	332.11	DP 449575	12/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
22	LK9-22	Nhà liên kế phố	4	355	126	127.5	332.11	DP 449576	12/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
23	LK9-23	Nhà liên kế phố	4	356	126	127.5	332.11	DP 449577	12/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
24	LK9-24	Nhà liên kế phố	4	357	126	127.5	332.11	DP 449578	12/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
25	LK9-25	Nhà liên kế phố	4	358	126	127.5	332.11	DP 449579	12/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
26	LK9-26	Nhà liên kế phố	4	359	126	127.5	332.11	DP 449580	12/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
27	LK9-27	Nhà liên kế phố	4	360	126	127.5	332.11	DP 449581	12/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
28	LK9-28	Nhà liên kế phố	4	361	126	127.5	332.11	DP 449582	12/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
29	LK9-29	Nhà liên kế phố	4	362	126	178.5	341.71	DP 449583	12/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
30	LK9-30	Nhà liên kế phố	4	363	126	127.5	332.11	DP 449584	12/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
31	LK9-31	Nhà liên kế phố	4	364	126	127.5	332.11	DP 449585	12/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
32	LK9-32	Nhà liên kế phố	4	365	126	127.5	332.11	DP 449586	12/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
33	LK9-33	Nhà liên kế phố	4	366	126	127.5	332.11	DP 449587	12/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
34	LK9-34	Nhà liên kế phố	4	367	126	184	341.71	DP 449588	12/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
35	LK9-35	Nhà liên kế phố	4	368	126	127.5	332.11	DP 449589	12/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
36	LK9-36	Nhà liên kế phố	4	369	126	127.5	332.11	DP 449590	12/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
37	LK9-37	Nhà liên kế phố	4	370	126	127.5	332.11	DP 449591	12/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
38	LK9-38	Nhà liên kế phố	4	371	126	127.5	332.11	DP 449592	12/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
39	LK9-39	Nhà liên kế phố	4	372	126	127.5	332.11	DP 449593	12/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
40	LK9-40	Nhà liên kế phố	4	373	126	127.5	332.11	DP 449594	12/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
41	LK9-41	Nhà liên kế phố	4	374	126	127.5	332.11	DP 449595	12/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
42	LK9-42	Nhà liên kế phố	4	375	126	127.5	332.11	DP 449596	12/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
43	LK9-43	Nhà liên kế phố	4	376	126	127.5	332.11	DP 449597	12/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
44	LK9-44	Nhà liên kế phố	4	377	126	127.5	332.11	DP 449598	12/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
45	LK9-45	Nhà liên kế phố	4	378	126	127.5	332.11	DP 449599	12/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
46	LK9-46	Nhà liên kế phố	4	379	126	127.5	332.11	DP 449600	12/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
47	LK9-47	Nhà liên kế phố	4	380	126	127.5	332.11	DP 961051	12/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
48	LK9-48	Nhà liên kế phố	4	381	126	127.5	332.11	DP 961052	12/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
49	LK9-49	Nhà liên kế phố	4	382	126	127.5	332.11	DP 961053	12/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
50	LK9-50	Nhà liên kế phố	4	383	126	127.5	332.11	DP 961054	12/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
51	LK9-51	Nhà liên kế phố	4	384	126	127.5	332.11	DP 961055	12/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
52	LK9-52	Nhà liên kế phố	4	385	126	127.5	332.11	DP 961056	12/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
53	LK9-53	Nhà liên kế phố	4	386	126	127.5	332.11	DP 961057	12/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
54	LK9-54	Nhà liên kế phố	4	387	126	127.5	332.11	DP 961058	12/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
55	LK9-55	Nhà liên kế phố	4	388	126	127.5	332.11	DP 961059	12/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
56	LK9-56	Nhà liên kế phố	4	389	126	127.5	332.11	DP 961060	12/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
XVI	**LIÊN KẾ 10- NO2**					**6,191.00**	**15,871.70**			
1	LK10-1	Nhà liên kế phố	4	312	14	255	406.57	DP 961004	12/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
2	LK10-2	Nhà liên kế phố	4	313	14	175	396.57	DP 261034	12/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
3	LK10-3	Nhà liên kế phố	4	314	14	175	389.96	DP 261035	12/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
4	LK10-4	Nhà liên kế phố	4	352	14	147	384.7	DP 961003	12/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
5	LK10-5	Nhà liên kế phố	4	351	14	147	384.7	DP 961002	12/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
6	LK10-6	Nhà liên kế phố	4	350	14	147	384.7	DP 961001	12/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
7	LK10-7	Nhà liên kế phố	4	349	14	147	384.7	DP 449700	12/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
8	LK10-8	Nhà liên kế phố	4	348	14	147	384.7	DP 449699	12/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
9	LK10-9	Nhà liên kế phố	4	347	14	147	384.7	DP 449698	12/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
10	LK10-10	Nhà liên kế phố	4	346	14	147	384.7	DP 449697	12/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
11	LK10-11	Nhà liên kế phố	4	345	14	147	384.7	DP 449696	12/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
12	LK10-12	Nhà liên kế phố	4	344	14	147	384.7	DP 449695	12/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
13	LK10-13	Nhà liên kế phố	4	343	14	147	384.7	DP 449694	12/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
14	LK10-14	Nhà liên kế phố	4	342	14	147	396.7	DP 449693	12/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
15	LK10-15	Nhà liên kế phố	4	341	15	147	384.7	DP 449692	12/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
16	LK10-16	Nhà liên kế phố	4	340	15	147	384.7	DP 449691	12/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
17	LK10-17	Nhà liên kế phố	4	339	15	147	384.7	DP 449690	12/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
18	LK10-18	Nhà liên kế phố	4	338	15	147	384.7	DP 449689	12/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
19	LK10-19	Nhà liên kế phố	4	337	15	147	384.7	DP 449688	12/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
20	LK10-20	Nhà liên kế phố	4	336	15	147	384.7	DP 449687	12/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
21	LK10-21	Nhà liên kế phố	4	335	15	147	384.7	DP 449686	12/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
22	LK10-22	Nhà liên kế phố	4	334	15	147	396.7	DP 449685	12/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
23	LK10-23	Nhà liên kế phố	4	333	15	147	396.7	DP 449684	12/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
24	LK10-24	Nhà liên kế phố	4	332	15	147	384.7	DP 449683	12/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
25	LK10-25	Nhà liên kế phố	4	331	15	147	384.7	DP 449682	12/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
26	LK10-26	Nhà liên kế phố	4	330	15	147	384.7	DP 449681	12/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
27	LK10-27	Nhà liên kế phố	4	329	15	147	384.7	DP 449680	12/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
28	LK10-28	Nhà liên kế phố	4	328	15	147	384.7	DP 449679	12/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
29	LK10-29	Nhà liên kế phố	4	327	15	147	384.7	DP 449678	12/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
30	LK10-30	Nhà liên kế phố	4	326	15	147	384.7	DP 449677	12/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
31	LK10-31	Nhà liên kế phố	4	325	14	147	396.7	DP 449676	12/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
32	LK10-32	Nhà liên kế phố	4	324	14	147	384.7	DP 449675	12/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
33	LK10-33	Nhà liên kế phố	4	323	14	147	384.7	DP 449674	12/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
34	LK10-34	Nhà liên kế phố	4	322	14	147	384.7	DP 449673	12/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
35	LK10-35	Nhà liên kế phố	4	321	14	147	384.7	DP 449672	12/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
36	LK10-36	Nhà liên kế phố	4	320	14	147	384.7	DP 449671	12/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
37	LK10-37	Nhà liên kế phố	4	319	14	147	384.7	DP 261040	12/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
38	LK10-38	Nhà liên kế phố	4	318	14	147	384.7	DP 261039	12/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
39	LK10-39	Nhà liên kế phố	4	317	14	147	384.7	DP 261038	12/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
40	LK10-40	Nhà liên kế phố	4	316	14	147	384.7	DP 261037	12/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
41	LK10-41	Nhà liên kế phố	4	315	14	147	396.7	DP 961009	12/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
XVII	**LIÊN KẾ 11- NO2**					**6,186.00**	**15,871.70**			

1	LK11-01	Nhà liên kế phố	4	152	15	250	406.57	AA 00620922	19/02/2025	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
2	LK11-02	Nhà liên kế phố	4	151	15	175	396.57	AA 00620921	19/02/2025	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
3	LK11-03	Nhà liên kế phố	4	150	15	175	389.96	AA 00620920	19/02/2025	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
4	LK11-04	Nhà liên kế phố	4	153	15	147	384.7	AA 00620923	19/02/2025	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
5	LK11-05	Nhà liên kế phố	4	154	15	147	384.7	AA 00620924	19/02/2025	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
6	LK11-06	Nhà liên kế phố	4	155	15	147	384.7	AA 00620925	19/02/2025	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
7	LK11-07	Nhà liên kế phố	4	156	15	147	384.7	AA 00620926	19/02/2025	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
8	LK11-08	Nhà liên kế phố	4	157	15	147	384.7	AA 00620927	19/02/2025	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
9	LK11-09	Nhà liên kế phố	4	158	15	147	384.7	AA 00620928	19/02/2025	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
10	LK11-10	Nhà liên kế phố	4	159	15	147	384.7	AA 00620929	19/02/2025	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
11	LK11-11	Nhà liên kế phố	4	160	15	147	384.7	AA 00620930	19/02/2025	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
12	LK11-12	Nhà liên kế phố	4	161	15	147	384.7	AA 00620931	19/02/2025	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
13	LK11-13	Nhà liên kế phố	4	162	15	147	384.7	AA 00620932	19/02/2025	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
14	LK11-14	Nhà liên kế phố	4	163	15	147	396.7	AA 00620933	19/02/2025	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
15	LK11-15	Nhà liên kế phố	4	164	15	147	384.7	AA 00620934	19/02/2025	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
16	LK11-16	Nhà liên kế phố	4	165	15	147	384.7	AA 00620935	19/02/2025	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
17	LK11-17	Nhà liên kế phố	4	166	15	147	384.7	AA 00620936	19/02/2025	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
18	LK11-18	Nhà liên kế phố	4	167	15	147	384.7	AA 00620937	19/02/2025	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
19	LK11-19	Nhà liên kế phố	4	168	15	147	384.7	AA 00620938	19/02/2025	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
20	LK11-20	Nhà liên kế phố	4	169	15	147	384.7	AA 00620939	19/02/2025	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
21	LK11-21	Nhà liên kế phố	4	170	15	147	384.7	AA 00620940	19/02/2025	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
22	LK11-22	Nhà liên kế phố	4	171	15	147	396.7	AA 00620941	19/02/2025	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
23	LK11-23	Nhà liên kế phố	4	131	15	147	396.7	AA 00620901	19/02/2025	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
24	LK11-24	Nhà liên kế phố	4	132	15	147	384.7	AA 00620902	19/02/2025	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
25	LK11-25	Nhà liên kế phố	4	133	15	147	384.7	AA 00620903	19/02/2025	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
26	LK11-26	Nhà liên kế phố	4	134	15	147	384.7	AA 00620904	19/02/2025	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
27	LK11-27	Nhà liên kế phố	4	135	15	147	384.7	AA 00620905	19/02/2025	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
28	LK11-28	Nhà liên kế phố	4	136	15	147	384.7	AA 00620906	19/02/2025	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
29	LK11-29	Nhà liên kế phố	4	137	15	147	384.7	AA 00620907	19/02/2025	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
30	LK11-30	Nhà liên kế phố	4	138	15	147	384.7	AA 00620908	19/02/2025	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
31	LK11-31	Nhà liên kế phố	4	139	15	147	396.7	AA 00620909	19/02/2025	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
32	LK11-32	Nhà liên kế phố	4	140	15	147	384.7	AA 00620910	19/02/2025	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
33	LK11-33	Nhà liên kế phố	4	141	15	147	384.7	AA 00620911	19/02/2025	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
34	LK11-34	Nhà liên kế phố	4	142	15	147	384.7	AA 00620912	19/02/2025	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
35	LK11-35	Nhà liên kế phố	4	143	15	147	384.7	AA 00620913	19/02/2025	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
36	LK11-36	Nhà liên kế phố	4	144	15	147	384.7	AA 00620914	19/02/2025	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
37	LK11-37	Nhà liên kế phố	4	145	15	147	384.7	AA 00620915	19/02/2025	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
38	LK11-38	Nhà liên kế phố	4	146	15	147	384.7	AA 00620916	19/02/2025	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
39	LK11-39	Nhà liên kế phố	4	147	15	147	384.7	AA 00620917	19/02/2025	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
40	LK11-40	Nhà liên kế phố	4	148	15	147	384.7	AA 00620918	19/02/2025	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
41	LK11-41	Nhà liên kế phố	4	149	15	147	396.7	AA 00620919	19/02/2025	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
XVIII	**BIỆT THỰ BT1- NO2**					**7,054.00**	**6,518.92**			
1	BT1-1	Nhà biệt thự	2	175	123	275.5	252.08	DP 449085	12/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
2	BT1-2	Nhà biệt thự	2	176	123	288	252.6	DP 449086	12/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
3	BT1-3	Nhà biệt thự	2	177	123	288	252.6	DP 449087	12/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
4	BT1-4	Nhà biệt thự	2	178	123	275.5	252.08	DP 449088	12/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
5	BT1-5	Nhà biệt thự	2	179	123	240	225.01	DP 449089	12/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
6	BT1-6	Nhà biệt thự	2	180	123	240	225.01	DP 449090	12/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
7	BT1-7	Nhà biệt thự	2	181	123	240	225.01	DP 449091	12/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
8	BT1-8	Nhà biệt thự	2	182	123	240	225.01	DP 449092	12/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
9	BT1-9	Nhà biệt thự	2	183	123	240	225.01	DP 449093	12/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
10	BT1-10	Nhà biệt thự	2	184	123	240	225.01	DP 449094	12/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
11	BT1-11	Nhà biệt thự	2	185	123	240	225.01	DP 449095	12/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
12	BT1-12	Nhà biệt thự	2	186	123	240	225.01	DP 449096	12/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
13	BT1-13	Nhà biệt thự	2	187	123	240	225.01	DP 449097	12/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
14	BT1-14	Nhà biệt thự	2	188	123	240	225.01	DP 449098	12/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
15	BT1-15	Nhà biệt thự	2	189	123	275.5	252.08	DP 449099	12/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
16	BT1-16	Nhà biệt thự	2	190	123	288	252.6	DP 449100	12/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
17	BT1-17	Nhà biệt thự	2	191	123	288	252.6	DP 961101	12/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
18	BT1-18	Nhà biệt thự	2	192	123	275.5	252.08	DP 961102	12/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
19	BT1-19	Nhà biệt thự	2	193	123	240	225.01	DP 961103	12/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
20	BT1-20	Nhà biệt thự	2	194	123	240	225.01	DP 961104	12/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
21	BT1-21	Nhà biệt thự	2	195	123	240	225.01	DP 961105	12/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
22	BT1-22	Nhà biệt thự	2	196	123	240	225.01	DP 961106	12/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
23	BT1-23	Nhà biệt thự	2	197	123	240	225.01	DP 961107	12/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
24	BT1-24	Nhà biệt thự	2	198	123	240	225.01	DP 961108	12/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
25	BT1-25	Nhà biệt thự	2	199	123	240	225.01	DP 961109	12/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
26	BT1-26	Nhà biệt thự	2	200	123	240	225.01	DP 961110	12/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
27	BT1-27	Nhà biệt thự	2	201	123	240	225.01	DP 961111	12/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
28	BT1-28	Nhà biệt thự	2	202	123	240	225.01	DP 961112	12/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
XIX	**BIỆT THỰ BT2- NO2**					**9,739.00**	**8,081.12**			
1	BT2-1	Nhà biệt thự	2	280	125	337.5	252.08	AA 00005078	19/02/2025	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
2	BT2-2	Nhà biệt thự	2	281	125	336	252.6	AA 00005079	19/02/2025	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
3	BT2-3	Nhà biệt thự	2	282	125	336	252.6	AA 00005080	19/02/2025	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
4	BT2-4	Nhà biệt thự	2	283	125	332	252.08	AA 00843001	19/02/2025	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
5	BT2-5	Nhà biệt thự	2	284	125	294	252.6	AA 00843002	19/02/2025	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
6	BT2-6	Nhà biệt thự	2	285	125	294	252.6	AA 00843003	19/02/2025	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
7	BT2-7	Nhà biệt thự	2	286	125	294	252.6	AA 00843004	19/02/2025	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
8	BT2-8	Nhà biệt thự	2	287	125	294	252.6	AA 00843005	19/02/2025	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
9	BT2-9	Nhà biệt thự	2	288	125	294	252.6	AA 00843007	19/02/2025	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
10	BT2-10	Nhà biệt thự	2	289	125	294	252.6	AA 00843008	19/02/2025	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
11	BT2-11	Nhà biệt thự	2	290	125	294	252.6	AA 00843009	19/02/2025	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
12	BT2-12	Nhà biệt thự	2	291	125	294	252.6	AA 00843010	19/02/2025	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
13	BT2-13	Nhà biệt thự	2	292	125	294	252.6	AA 00843011	19/02/2025	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
14	BT2-14	Nhà biệt thự	2	293	125	294	252.6	AA 00843012	19/02/2025	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
15	BT2-15	Nhà biệt thự	2	294	125	294	252.6	AA 00843013	19/02/2025	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
16	BT2-16	Nhà biệt thự	2	295	125	294	252.6	AA 00843014	19/02/2025	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
17	BT2-17	Nhà biệt thự	2	296	125	332	252.08	AA 00843015	19/02/2025	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
18	BT2-18	Nhà biệt thự	2	297	125	336	252.6	AA 00843016	19/02/2025	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
19	BT2-19	Nhà biệt thự	2	298	125	336	252.6	AA 00843017	19/02/2025	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
20	BT2-20	Nhà biệt thự	2	299	125	337.5	252.08	AA 00843018	19/02/2025	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
21	BT2-21	Nhà biệt thự	2	300	125	294	252.6	AA 00843019	19/02/2025	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai

22	BT2-22	Nhà biệt thự	2	301	125	294	252.6	AA 00843020	19/02/2025	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
23	BT2-23	Nhà biệt thự	2	302	125	294	252.6	AA 00843021	19/02/2025	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
24	BT2-24	Nhà biệt thự	2	303	125	294	252.6	AA 00843022	19/02/2025	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
25	BT2-25	Nhà biệt thự	2	304	125	294	252.6	AA 00843023	19/02/2025	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
26	BT2-26	Nhà biệt thự	2	305	125	294	252.6	AA 00843024	19/02/2025	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
27	BT2-27	Nhà biệt thự	2	306	125	294	252.6	AA 00843025	19/02/2025	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
28	BT2-28	Nhà biệt thự	2	307	125	294	252.6	AA 00843026	19/02/2025	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
29	BT2-29	Nhà biệt thự	2	308	125	294	252.6	AA 00843027	19/02/2025	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
30	BT2-30	Nhà biệt thự	2	309	125	294	252.6	AA 00843028	19/02/2025	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
31	BT2-31	Nhà biệt thự	2	310	125	294	252.6	AA 00843029	19/02/2025	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
32	BT2-32	Nhà biệt thự	2	311	125	294	252.6	AA 00843030	19/02/2025	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
XX	**BIỆT THỰ BT3- NO2**					**7,054.00**	**6,518.92**			
1	BT3-1	Nhà biệt thự	2	233	8	275.5	252.08	AA 00620997	19/02/2025	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
2	BT3-2	Nhà biệt thự	2	234	8	288	252.6	AA 00620996	19/02/2025	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
3	BT3-3	Nhà biệt thự	2	235	8	288	252.6	AA 00620995	19/02/2025	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
4	BT3-4	Nhà biệt thự	2	236	8	275.5	252.08	AA 00620994	19/02/2025	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
5	BT3-5	Nhà biệt thự	2	237	8	240	225.01	AA 00620993	19/02/2025	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
6	BT3-6	Nhà biệt thự	2	238	8	240	225.01	AA 00620992	19/02/2025	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
7	BT3-7	Nhà biệt thự	2	239	8	240	225.01	AA 00620990	19/02/2025	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
8	BT3-8	Nhà biệt thự	2	240	8	240	225.01	AA 00620989	19/02/2025	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
9	BT3-9	Nhà biệt thự	2	241	8	240	225.01	AA 00620988	19/02/2025	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
10	BT3-10	Nhà biệt thự	2	242	8	240	225.01	AA 00620987	19/02/2025	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
11	BT3-11	Nhà biệt thự	2	243	8	240	225.01	AA 00620986	19/02/2025	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
12	BT3-12	Nhà biệt thự	2	244	8	240	225.01	AA 00620985	19/02/2025	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
13	BT3-13	Nhà biệt thự	2	245	8	240	225.01	AA 00620984	19/02/2025	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
14	BT3-14	Nhà biệt thự	2	246	8	240	225.01	AA 00620983	19/02/2025	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
15	BT3-15	Nhà biệt thự	2	247	8	275.5	252.08	AA 00620982	19/02/2025	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
16	BT3-16	Nhà biệt thự	2	248	8	288	252.6	AA 00620981	19/02/2025	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
17	BT3-17	Nhà biệt thự	2	249	8	288	252.6	AA 00620980	19/02/2025	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
18	BT3-18	Nhà biệt thự	2	250	8	275.5	252.08	AA 00620978	19/02/2025	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
19	BT3-19	Nhà biệt thự	2	251	8	240	225.01	AA 00620977	19/02/2025	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
20	BT3-20	Nhà biệt thự	2	252	8	240	225.01	AA 00620976	19/02/2025	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
21	BT3-21	Nhà biệt thự	2	253	8	240	225.01	AA 00620975	19/02/2025	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
22	BT3-22	Nhà biệt thự	2	254	8	240	225.01	AA 00620974	19/02/2025	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
23	BT3-23	Nhà biệt thự	2	255	8	240	225.01	AA 00620973	19/02/2025	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
24	BT3-24	Nhà biệt thự	2	256	8	240	225.01	AA 00620972	19/02/2025	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
25	BT3-25	Nhà biệt thự	2	257	8	240	225.01	AA 00620971	19/02/2025	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
26	BT3-26	Nhà biệt thự	2	258	8	240	225.01	AA 00620970	19/02/2025	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
27	BT3-27	Nhà biệt thự	2	259	8	240	225.01	AA 00620969	19/02/2025	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
28	BT3-28	Nhà biệt thự	2	260	8	240	225.01	AA 00620968	19/02/2025	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
XXI	**BIỆT THỰ BT4- NO2**					**7,185.00**	**5,995.04**			
1	BT4-1	Nhà biệt thự	2	286	124	524.3	488.36	DP 444823	12/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
2	BT4-2	Nhà biệt thự	2	287	124	318	252.6	DP 444824	12/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
3	BT4-3	Nhà biệt thự	2	288	124	318	252.6	DP 444825	12/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
4	BT4-4	Nhà biệt thự	2	289	124	318	252.6	DP 444826	12/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
5	BT4-5	Nhà biệt thự	2	290	124	318	252.6	DP 444827	12/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
6	BT4-6	Nhà biệt thự	2	291	124	318	252.6	DP 444828	12/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
7	BT4-7	Nhà biệt thự	2	292	124	318	252.6	DP 444829	12/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
8	BT4-8	Nhà biệt thự	2	293	124	318	252.6	DP 444830	12/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
9	BT4-9	Nhà biệt thự	2	294	124	318	252.6	DP 444831	12/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
10	BT4-10	Nhà biệt thự	2	295	124	524.2	488.36	DP 444832	12/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
11	BT4-11	Nhà biệt thự	2	296	124	524.2	488.36	DP 444833	12/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
12	BT4-12	Nhà biệt thự	2	297	124	318	252.6	DP 444834	12/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
13	BT4-13	Nhà biệt thự	2	298	124	318	252.6	DP 444835	12/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
14	BT4-14	Nhà biệt thự	2	299	124	318	252.6	DP 444836	12/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
15	BT4-15	Nhà biệt thự	2	300	124	318	252.6	DP 444837	12/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
16	BT4-16	Nhà biệt thự	2	301	124	318	252.6	DP 444838	12/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
17	BT4-17	Nhà biệt thự	2	302	124	318	252.6	DP 444839	12/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
18	BT4-18	Nhà biệt thự	2	303	124	318	252.6	DP 444840	12/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
19	BT4-19	Nhà biệt thự	2	304	124	318	252.6	DP 444841	12/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
20	BT4-20	Nhà biệt thự	2	305	124	524.3	488.36	DP 444842	12/9/2024	VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai
TỔNG CỘNG				**940**		**153,769.00**	**336,498.17**			